

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN Ở QUẢNG BÌNH

TRẦN VĂN TUẤN

Giám đốc Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Bình

Quảng Bình có diện tích tự nhiên 8.052 km²; trong đó, đất nông nghiệp 67.344 ha (chiếm 8,36%), đất lâm nghiệp 591.433 ha (chiếm 73,4%). Thời tiết, khí hậu ở đây khắc nghiệt, hạn hán, lũ lụt thường xảy ra. Mùa nóng kéo dài từ tháng 4 đến tháng 8; nhiệt độ cao, kết hợp với gió mùa Tây Nam càng làm cho không khí trở nên khô và nóng. Mùa mưa kéo dài từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau, nhất là vào các tháng 8, 9, 10 và thường chịu ảnh hưởng của nhiều cơn bão. Mưa lớn, kết hợp với địa hình dốc, gần đã tạo ra hiện tượng xói lở, rửa trôi mạnh, vì vậy, việc bố trí và tổ chức sản xuất nông nghiệp trên địa bàn gặp nhiều khó khăn.

Trong 5 năm qua (2001-2005), công tác QLNN đối với lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn ở Quảng Bình được đẩy mạnh, sản xuất nông nghiệp đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo tiền đề cho việc thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) nông nghiệp - nông thôn của tỉnh.

1. Những thành tựu đạt được giai đoạn 2001-2005.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực, tỉ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ngày càng giảm, nhưng giá trị tuyệt đối không ngừng tăng lên qua các năm. Sản xuất nông nghiệp từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá, trở thành khu vực có vị trí quan trọng của nền kinh tế tỉnh. GDP của ngành nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,55%. Cơ cấu trong nội bộ ngành cũng có sự chuyển dịch tích cực, giá trị giữa trồng trọt

và chăn nuôi ngày càng cân đối hơn; năm 2001, giá trị của ngành trồng trọt chiếm 65,5% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp, năm 2005, con số này giảm xuống còn 63,5%; ngược lại, tỉ trọng giá trị chăn nuôi không ngừng tăng lên qua các năm (năm 2001 là 33,4% lên 35,6% năm 2005).

Sản lượng lương thực từ 20,2 vạn tấn năm 2001, lên 24,1 vạn tấn năm 2004, về đích sớm hơn 2 năm so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đề ra. Sản lượng lương thực bình quân đầu người tăng từ 172kg/người/năm (năm 1995) lên 230,3 kg/người/năm (năm 2001) và 286kg/người/năm (năm 2005).

Sản lượng lương thực tăng liên tục qua các năm, đã góp phần đảm bảo an ninh lương thực và tạo điều kiện thúc đẩy phát triển nông nghiệp - nông thôn.

Cơ cấu cây trồng được chuyển đổi nhằm nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích. Cùng với việc thực hiện nhiều giải pháp như tăng vụ, trồng xen, đưa giống mới năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất, nhân rộng nhiều mô hình sản xuất giỏi, thu nhập trên 1 ha canh tác đạt 30-40 triệu đồng, tỉnh đã thực hiện tốt công tác đồn điền, đổi thửa, tạo điều kiện cho người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất, hình thành những vùng chuyên canh tập trung phục vụ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Đến nay, đã hình thành vùng nguyên liệu sản công nghiệp với diện tích trên 3.000 ha, vùng nguyên liệu cao su trên 7.500 ha, vùng sản xuất lạc 5.000 ha...

Chăn nuôi tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng nhờ thực hiện tốt các chương trình Sinh hoá đàn bò, nạc hoá đàn lợn, nuôi lợn thuần ngoại, phát triển gia cầm siêu thịt, siêu trứng... Tổng đàn trâu tăng từ 33.621 con (năm 2001) lên 37.461 con (năm 2005); đàn bò tăng từ 105.144 con (năm 2001) lên 109.521 con (năm 2005); trong đó, đàn bò lai chiếm 8-10%; đàn lợn tăng 280.973 con (năm 2001) lên 332.811 con (năm 2005); trong đó, lợn ngoại chiếm 5-6%; đàn gia cầm đã đạt 2,05 triệu con. Nhiều gia súc, gia cầm giống mới được đưa vào nuôi thử nghiệm có kết quả khả quan như lợn ngoại, bò lai, gà Ai Cập, vịt Cakicambel, đà điểu, ba ba...

Nhiều tiến bộ kỹ thuật về nông - lâm nghiệp ứng dụng có hiệu quả được nông dân đồng tình hưởng ứng, áp dụng một số mô hình và công thức chuyển đổi thành công cho từng chân đất cụ thể; trong đó, đã có những mô hình mang lại hiệu quả cao và được khẳng định là cơ sở để mở ra hướng đi mới cho nông nghiệp tỉnh như mô hình cây vụ Đông, mô hình hoa, rau, cà chua bi...

Các chương trình lâm nghiệp đạt kết quả khá, đã chú trọng công tác trồng rừng nhất là trồng rừng kinh tế, trồng rừng phòng hộ kết hợp với kinh tế, khoanh nuôi, bảo vệ rừng... Vì vậy, 5 năm qua, diện tích trồng rừng tập trung đã tăng lên trên 24.000 ha, khoanh nuôi phục hồi rừng đạt xấp xỉ 65.000 lượt ha, đưa độ che phủ của rừng từ 61,9% năm 2001 lên 62,6% năm 2005 và là tỉnh có độ che phủ đứng thứ ba toàn quốc. Việc chế biến gỗ và các sản phẩm lâm sản tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị hàng hoá và sức cạnh tranh cao như mộc dân dụng, song mây, gỗ ép thanh, colophan...

Công tác tưới tiêu đã được chú trọng, bằng nguồn vốn từ trung ương, địa phương và vốn góp của dân; nhiều công trình thủy lợi được đầu tư mới, nâng cấp và kiên cố hoá trên 800 km kênh mương các loại và gần 100 km đê kè ven biển, ven sông; đưa

vào sử dụng, phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh có hiệu quả hàng năm 50.000 ha. Việc quản lý công trình được cải tiến, thực hiện phân cấp cho huyện và các địa phương quản lý, sử dụng biện pháp tưới tiêu khoa học, tiết kiệm nước... Đặc biệt, trong thời gian qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động xây dựng và triển khai phương án sử dụng nguồn nước từ hồ An Mã tưới cho các xã huyện Quảng Ninh, góp phần tích cực vào việc ổn định sản xuất, tăng sản lượng lương thực.

Trong 5 năm qua, bộ mặt nông thôn Quảng Bình ngày càng được đổi mới, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được nâng cao, cơ sở hạ tầng nông thôn ngày càng phát triển.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, sản xuất nông - lâm nghiệp của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại cần được khắc phục trong thời gian tới.

Ngoài những yếu tố khách quan như chịu ảnh hưởng trực tiếp của điều kiện thời tiết, khí hậu, lũ lụt, hạn hán, còn có những khó khăn thuộc về chủ quan cần phải được kịp thời tháo gỡ như một số văn bản QLNN tính khá thi còn thấp và thiếu đồng bộ, đặc biệt là chính sách lâm nghiệp còn yếu, chưa tạo được môi trường và động lực cho các thành phần kinh tế tham gia bảo vệ và phát triển rừng. Hệ thống tổ chức QLNN về nông - lâm nghiệp chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ; không có biên chế cán bộ chuyên trách lĩnh vực nông - lâm nghiệp tại các xã, trong khi đây là cấp trực tiếp thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của ngành. Hệ thống các lâm trường quốc doanh chậm được đổi mới, một số đơn vị hoạt động kém hiệu quả. Công tác quản lý quy hoạch cấp huyện, xã chưa được thực sự quan tâm, cơ sở hạ tầng và các điều kiện cần thiết phục vụ chợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa được đầu tư đúng mức, chưa tương xứng với yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Nhiều chương trình, dự án tuy đã được khởi động song do thiếu vốn nên chậm đi vào hoạt động. Cơ chế hưởng lợi nhằm khuyến khích các chủ thể

được giao chăm sóc và bảo vệ rừng để thực sự làm giàu từ rừng còn hạn chế. Suất đầu tư trồng rừng tuy được điều chỉnh tăng nhưng vẫn còn thấp do địa bàn trồng rừng ngày càng xa khu dân cư. Diện tích rừng Quảng Bình lớn trong khi chính sách lâm nghiệp chưa tạo được môi trường, động lực cho các thành phần kinh tế tham gia bảo vệ và phát triển.

Quan hệ sản xuất chưa được quan tâm củng cố và đổi mới phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, hệ thống tổ chức và hoạt động của kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại kém hiệu quả và chậm được đổi mới, công tác xúc tiến thương mại, tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm chưa được quan tâm đúng mức... Nhiều công trình thủy lợi đã được xây dựng và sử dụng từ lâu, nay xuống cấp, đòi hỏi nguồn vốn sửa chữa lớn trong khi khả năng về tài chính hạn chế.

Tiến bộ khoa học - kỹ thuật là chìa khoá để đẩy nhanh năng suất sản lượng nhưng việc chuyển giao vào sản xuất còn gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn... Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa theo kịp với tiến trình CNH, HĐH.

2. Sự cần thiết phải đổi mới công tác quản lý rừng

Để sớm đưa nông nghiệp Quảng Bình trở thành sản xuất hàng hoá và tiến tới thực hiện thắng lợi mục tiêu CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, trong thời gian tới, trong lĩnh vực QLNN, ngành cần tập trung tổ chức chỉ đạo, thực hiện một cách đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp sau:

Một là, làm tốt công tác quy hoạch, rà soát điều chỉnh quy hoạch theo hướng sản xuất hàng hóa.

Về sản xuất nông nghiệp, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp với hệ sinh thái, từng bước hoàn thiện cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế tổng hợp vùng gò đồi, kết hợp giữa cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày, giữa nông nghiệp và lâm nghiệp nhằm đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao giá trị sử dụng đất.

Đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất để không ngừng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Trong chăn nuôi, thực hiện quy hoạch vùng trọng điểm phát triển, đẩy mạnh chương trình Sind hoá đàn bò theo từng vùng, kết hợp triển khai nhân rộng mô hình trồng cỏ nuôi bò theo hướng bán chăn thả trong toàn tỉnh. Phấn đấu đến năm 2010, tỉ lệ bò lai đạt 25% trong cơ cấu tổng đàn. Phát triển chăn nuôi lợn thuần ngoại, hoàn chỉnh để đưa vào sử dụng dự án vùng nguyên liệu tập trung ở Công ty Lê Ninh và các huyện đồng bằng, đảm bảo hàng năm có 1.500 tấn thịt lợn hơi phục vụ nhà máy chế biến. Sau khi kiểm chế được dịch cúm gia cầm, tiếp tục đưa các giống gia cầm có chất lượng cao như gà, vịt siêu thịt, siêu trứng vào chăn nuôi theo hướng trang trại, mở rộng hình thức hộ chăn nuôi gia cầm bán công nghiệp. Phát huy và tăng cường năng lực của Trung tâm giống vật nuôi, xem đây là hạt nhân trong việc cung cấp con giống có chất lượng cho sản xuất.

Về sản xuất lâm nghiệp, hoàn thành chiến lược phát triển lâm nghiệp trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch lại 3 loại rừng đảm bảo hợp lý giữa diện tích rừng phòng hộ và diện tích rừng sản xuất; phát triển kinh tế nghề rừng theo hướng “dân trồng và bảo vệ rừng, rừng nuôi dân”, đưa diện tích trồng rừng tập trung, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến lên 15.000-20.000 ha (năm 2010). Đẩy mạnh khoanh nuôi bảo vệ rừng, đến năm 2010, bảo vệ được 150.000 ha rừng phòng hộ, đưa tỉ lệ độ che phủ đến năm 2010 đạt trên 66%, đồng thời, bảo vệ tốt rừng đặc dụng Phong Nha - Kẻ Bàng. Đẩy mạnh khai thác gỗ rừng trồng, phục vụ công nghiệp chế biến, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao.

Về thủy lợi, triển khai thực hiện quy hoạch thủy lợi vùng dọc đường Hồ Chí Minh làm cơ sở để đầu tư một số công trình thủy lợi cho những năm tới, phục vụ cho việc phát triển kinh tế vùng hành lang.

Tích cực triển khai các dự án phục vụ

sản xuất nông nghiệp như hồ Rào Đá, dự án Thương Mỹ Trung; chuẩn bị đầu tư và triển khai xây dựng một số công trình như thác Chuối, sông Thai... gắn đầu tư với công tác quản lý, vận hành, đảm bảo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp để nâng cao hiệu quả. Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương, đẩy mạnh đầu tư cho các công trình kè ven biển, ven sông chống xói lở, giảm nhẹ thiên tai. Từng bước quy hoạch nguồn nước để vừa phục vụ cho sản xuất cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phục vụ dân cư và phát triển nông nghiệp.

Hai là, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển cây vụ Đông nhằm tăng giá trị trên một diện tích canh tác; trong đó, chú trọng chuyển đổi đất lúa một vụ Đông Xuân - vụ Hè Thu bấp bênh do thiếu nước sang sản xuất 3 vụ màu ngô Đông Xuân sớm, lạc Xuân Hè, đậu xanh hoặc vùng Hè Thu; phát triển cây vụ Đông như cây ngô, bí ngòi, dưa chuột... trên chân đất 2 vụ lúa, từng bước đưa sản xuất vụ Đông thành một vụ sản xuất chính, xây dựng nhiều cánh đồng đạt giá trị thu nhập 40-50 triệu /ha/năm. Nghiên cứu chuyển đổi một số diện tích chua phèn sản xuất lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản. Tiếp tục thực hiện tích tụ ruộng đất, tạo điều kiện cho nông dân đầu tư thâm canh, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung đối với từng cây, con cụ thể.

Ba là, đưa các thiết bị, kỹ thuật ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất giống tại chỗ. Ưu tiên đầu tư lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi nhằm tạo ra khâu đột phá về năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh như tập trung vào công nghệ sinh học nhân giống cây trồng, tạo giống F1, nuôi cấy mô, công nghệ giám hom, giống bò, lợn, gia cầm lai để nâng cao thể trọng và chất lượng trong chăn nuôi hàng hoá. Có biện pháp mở rộng các vùng an toàn dịch bệnh; tích cực phòng, chống dịch bệnh, dịch hại

cho cây và con, đảm bảo chất lượng nông sản hàng hoá. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ chế biến sau thu hoạch để nâng cao giá trị của hàng hoá. Ứng dụng công nghệ và phương pháp tưới hợp lý, khoa học, tiết kiệm như nông lộ phơi, tưới phun, tưới nhỏ giọt... thay cho biện pháp tưới tràn.

Bốn là, phối hợp với các ngành hữu quan làm tốt công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, tăng cường hợp tác, thực hiện tốt liên kết 4 nhà (nhà nước, nhà nông nghiệp, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp), tìm đầu ra sản phẩm, giúp nông dân trong việc sản xuất và tiêu thụ. Tập trung liên kết cho sản xuất chế biến, thu mua sản phẩm trồng trọt (lạc, sản công nghiệp, cà chua bi...) chăn nuôi (lợn, bò...).

Năm là, tiếp tục có cơ chế phù hợp, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, nhất là lĩnh vực chăn nuôi; khảo nghiệm giống mới, áp dụng các thiết bị kỹ thuật, các mô hình nhân rộng, khuyến khích nông dân tích cực chuyển đổi. Trước mắt khi chưa có biện chế cho cán bộ xã phụ trách lĩnh vực nông - lâm nghiệp, cần trích ngân sách tỉnh hỗ trợ cho số cán bộ này.

Sáu là, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo từ tỉnh đến cơ sở, định hướng giúp nông dân thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất; trong đó, đặc biệt quan tâm công tác QLNN đối với giống cây trồng, vật nuôi, chăn nuôi thức ăn, thú y theo pháp lệnh, giúp nông dân yên tâm đầu tư mở rộng quy mô sản xuất.

Bảy là, tiếp tục triển khai kinh tế hộ trang trại, kinh tế hợp tác. Có kế hoạch phối hợp đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp - nông thôn, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa.

Với truyền thống của quê hương "2 giỏi", cùng với sự trợ giúp kịp thời, có hiệu quả của trung ương, các bộ, ngành, chắc chắn rằng trong thời gian tới, Quảng Bình sẽ thực hiện thành công CNH, HĐH nông nghiệp - nông thôn □